

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG RIỀNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 59/2021/HNGĐ-ST .

Ngày: 18/5/2021

V/v “Tranh chấp hôn nhân  
và gia đình - Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Văn Năng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Ngọc Lợi

2. Bà Dư Mỹ Linh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Đình Nguyên – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên Tòa:**  
Bà Trương Hồng Diễm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 547/2020/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 11 năm 2020; về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc B – Sinh năm: 1990 (có mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Trần Văn Q – Sinh năm: 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và tại bản khai, nguyên đơn chị B xác định: Chị và anh Q được gia đình mai mối, tự nguyện đi đến hôn nhân, lễ được tổ chức vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Ngọc Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới nhau anh chị chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng không phù hợp tính ý và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị B yêu cầu ly hôn với anh Q. Về con chung: Không có. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 29/4/2021 anh Q cùng có ý kiến với chị B về quan hệ hôn nhân và thời điểm anh chị chấm dứt quan hệ vợ chồng. Nay chị B yêu cầu ly hôn anh Q đồng ý. Về con chung không có. Về tài sản và nợ chung: Thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của Người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án, cấp tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng, tiến hành thu thập chứng cứ và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vẫn còn vi phạm về thời hạn xét xử theo Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự và thời hạn chuyển giao hồ sơ kiểm sát chò chậm trễ theo Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị B và anh Q tự quen biết và chung sống với nhau từ năm 2009, không tổ chức lễ cưới. Đến ngày 27/01/2014 đăng ký kết hôn tại UBND xã Ngọc Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Chị và anh Q sống không hạnh phúc và thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau do không phù hợp tính tình và quan điểm sống. Nay thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Q (29/4/2021 anh Q có bản tự khai thống nhất với việc ly hôn và có đơn xin vắng mặt). Xét thấy hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên. Nay chị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q là có cơ sở.

Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị buộc chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Chị B khởi kiện xin ly hôn với anh Q và yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con nên đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình xin ly hôn, được quy định tại Khoản 1 – Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và anh Q có địa chỉ cư trú tại xã Ngọc Thuận, huyện Giồng Riềng nên căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Anh Q với tư cách là bị đơn trong vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã tổng đạt hợp lệ, niêm yết công khai các thủ tục tố tụng đối với anh Q

nhưng anh có đơn xin vắng mặt. Do đó Tòa án căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh, chị tự nguyện đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Ngọc Thuận, huyện Giồng Riềng chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Theo chị B trình bày anh chị chung sống không hạnh phúc và ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Đồng thời tại bản khai anh Q cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị B, xác nhận thời điểm ly thân của vợ chồng là đúng. Điều này chứng tỏ chị và anh Q không còn quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau, đã vi phạm quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Xét thấy, hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, việc chị B yêu cầu được ly hôn với anh Q là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị B đối với anh Q.

[2.2] Về con chung: Không có.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 - Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a - Khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí; Án phí ly hôn sơ thẩm chị B phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị B đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 5714 ngày 26/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 1 - Điều 28; Khoản 01 - Điều 35; điểm a - Khoản 01 - Điều 39; Khoản 4 - Điều 147; Điều 217; Điều 227, 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a - Khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào Khoản 1 - Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận cho chị Lê Thị Ngọc B ly hôn với anh Trần Văn Q.

2. Về án phí: Buộc chị B phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị B đã nộp là 300.000 đồng (ba

trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 5714 ngày 26/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (Mười lăm) ngày, chệ B tính kể từ ngày tuyên án (18/5/2021). Anh Q kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS ND huyện Giồng Riềng;
- THA huyện Giồng Riềng;
- UBND TT (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Văn Năng**